TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** .

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023, về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 – Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1987 – Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 28/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B đăng ký kết hôn năm 2011, tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên đi làm xa nhà và có quan hệ với người phụ nữ khác, với lối sống và phong cách sống của anh B như trên, chị D không thể chung sống với anh B được

nữa. Nay chị D và anh B không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn B.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B có 02 con chung Phạm Nguyễn Huy N, sinh ngày 12/12/2012 và Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/6/2021. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Nguyễn Huy N và Phạm Nguyễn Thùy D đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị D yêu cầu anh Phạm Văn B cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chung số tiền 5.000.000 đồng/1 tháng/2 con. Quá trình giải quyết vụ án, chị D rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn B trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B và chị D kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh B đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- *Về con chung:* Anh B và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung Phạm Nguyễn Huy N, sinh ngày 12/12/2012 và Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/6/2021. Anh B đồng ý giao 02 con chung Phạm Nguyễn Huy N và Phạm Nguyễn Thùy D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D rút yêu cầu không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/1 tháng/2 con thì anh B không có ý kiến gì.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn B.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Nguyễn Huy N, sinh ngày 12/12/2012 và Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/6/2021 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng do chị D rút yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Bị đơn anh Phạm Văn B cư trú tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D và anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B kết hôn ngày 29/12/2011, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D, sau khi kết hôn vợ chồng chị D, anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh B thường xuyên đi làm xa nhà và có quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện nay chị D không còn tình cảm với anh B và anh B đồng ý ly hôn với chị D. Hiện nay quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị D không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị D và anh B sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị D và anh B có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị D và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử

cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh B và chị D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B thừa nhận có 02 con chung là Phạm Nguyễn Huy N, sinh ngày 12/12/2012 và Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/6/2021. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu D đến tuổi trưởng thành. Anh B đồng ý giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của chị D được nuôi cháu N và cháu D đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, chị D và anh B tự thỏa thuận việc nuôi con chung, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu N có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Nguyễn Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy, cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh B và chị D là tự nguyện, đúng pháp luật, cần áp dụng các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phạm Nguyễn Huy N và cháu Phạm Nguyễn Thùy D cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị D rút toàn bộ yêu cầu về cấp dưỡng, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng/tháng/2 con, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng của chị D. Chị D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Chị D và anh B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003463 ngày 03/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả cho chị D số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Nguyễn Huy N, sinh ngày 12/12/2012 và Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 21/6/2021 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị D. Chị D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị D và anh B có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003463 ngày 03/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả cho chị D số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. K;
- UBND thị trấn Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nhi *(đã ký và đóng dấu)*